

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/4/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trọng Di
2. Bà Trương Thị Minh Lợi
- Thư ký phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát Viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 413/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27/10/2022, về việc: “Ly hôn, quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXX ST-HNGĐ ngày 27/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn K** - sinh năm 1975
Địa chỉ: Hẻm 160 Lý Thường Kiệt, khu phố Minh Tân 03, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị N** - sinh năm 1978
Địa chỉ: Số Hẻm 160 Lý Thường Kiệt, khu phố Minh Tân 03, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, về việc ly hôn đề ngày 26 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Văn K trình bày:

- Về hôn nhân: ông và bà Huỳnh Thị N xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phan Rí Cửa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 197 ngày 18/5/2004. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng sống không hợp nhau, không tâm đầu ý hợp, thường hay cãi nhau, từ năm 2016

đến nay chúng tôi đã sống ly thân, không ai tâm đến ai. Hiện nay bà N đã có chồng khác sinh sống tại thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (không rõ địa chỉ cụ thể)

Nay ông nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nữa và đã chấm dứt từ lâu, tại Tòa hôm nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

- Về con chung: có 04 con chung là Đỗ Văn Tấn - sinh ngày 11/3/1998, Đỗ Thị Lan Anh - sinh ngày 28/02/2000, Đỗ Thị Kim Huệ - sinh ngày 16/3/2004 (đã thành niên) và Đỗ Quốc Cường - sinh ngày 18/12/2007 (chưa thành niên). Nếu được ly hôn, ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con Đỗ Quốc Cường cho đến khi thành niên. Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn K được ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

- Về con chung: ông K được trực tiếp nuôi cháu Cường cho đến khi đủ 18 tuổi và bà N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà N và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chưa thành niên, xét yêu cầu của nguyên đơn và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, thì đây là vụ kiện: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Bình Thuận.

Đối với bà N, kể từ khi tòa án thụ lý vụ án thì bà N đã không còn ở tại địa phương nữa, theo ông K trình bày, từ đầu năm 2017 thì bà N tự ý bỏ nhà ra đi, vào thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận làm ăn sinh sống và lấy chồng khác đã có con, ông có liên hệ bằng điện thoại với bà N đến Tòa án đề giải quyết, nhưng bà N cố tình lẩn tránh không chịu đến Tòa án làm việc, ông K cũng không biết được nơi ở mới cụ thể của bà N, nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bà N tại nơi cư trú cuối cùng của bà N, theo quy định tại

Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay bà N vẫn vắng mặt không lý do, nên áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: ông Đỗ Văn K và bà Huỳnh Thị N xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phan Rí Cửa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 197 ngày 18/5/2004 tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo ông K khai, trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng sống không hợp nhau, không tâm đầu ý hợp, thường hay cãi nhau, từ năm 2016 đến nay bà N đã bỏ nhà ra đi vào thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (không rõ địa chỉ cụ thể) sinh sống và đã có chồng khác có con.

Lời khai nhận của ông K phù hợp với biên bản xác minh ngày 03/11/2022 tại khu phố Minh Tân 3, thị trấn Phan Rí Cửa, từ năm 2016 họ đã sống ly thân, hiện nay bà N đã không còn ở địa phương nữa, nên chúng tôi không tổng đạt được các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông K xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà N nữa, hiện nay bà N đã lấy chồng khác, nên ông không đồng ý trở lại đoàn tụ và yêu cầu được ly hôn với bà N.

Như vậy, có cơ sở khẳng định đến thời điểm này, hôn nhân giữa ông K và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài được nữa, kể từ đầu năm 2016 họ đã tự sống ly thân không quan tâm đến nhau, nên ông K yêu cầu ly hôn với bà N là chính đáng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 04 con chung là Đỗ Văn Tấn - sinh ngày 11/3/1998, Đỗ Thị Lan Anh - sinh ngày 28/02/2000, Đỗ Thị Kim Huệ - sinh ngày 16/3/2004 đã thành niên, nên không xem xét đến người trực tiếp nuôi con; đối với Đỗ Quốc Cường - sinh ngày 18/12/2007 là con chưa thành niên, hiện nay Cường đang ở với ông K, ông K yêu cầu được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi con thành niên. Ông K không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo nguyện vọng của cháu Cường là xin được tiếp tục ở với ông K. Để đảm bảo tính ổn định trong cuộc sống và sinh hoạt của con, nên cần được duy trì quyền trực tiếp nuôi con đối với ông K.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH :

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

2. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- *Về hôn nhân:* cho ông Đỗ Văn K ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

- *Về con chung:* giao cho ông K tiếp tục được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con Đỗ Quốc Cường cho đến khi thành niên. Ông K không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản bà N quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* ông K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí của ông K đã nộp, tại biên lai thu tiền số 0011867 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên án phí đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/4/2023). Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án này theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Di Trương Thị Minh Lợi

Nguyễn Văn Thạch